TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LAI VUNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 01-3-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Chí Công.

Ông Tô Hoàng Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Vinh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 01 tháng 3 năm 2019 tại phòng xử án của trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 319/2018/TLST-HNGĐ, ngày 03/12/2018 "V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 01 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 55/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 12 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự;

- *Nguyên đơn*: Phạm N, sinh năm: 1975 (có mặt); *Địa chỉ*: 113/5, ấp L Đ, xã L T, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Biện Thị Kiều T, sinh năm: 1987 (vắng mặt); *Địa chỉ*: 405D/5, ấp T T, xã T P, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22/10/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn Phạm N trình bày:

Vào năm 2004 Phạm N và Biện Thị Kiều T tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T P, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp ngày 21/8/2008. Trong quá trình sống chung vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, chị T thường hay bỏ nhà đi làm mà không nói với anh N và không cho biết đi làm ở đâu, anh N liên hệ kêu về thì không liên hệ được, vợ chồng ly thân từ tháng 5/2017 đến nay. Thời gian gần đây T có về kêu anh làm đơn ly hôn. Nay Phạm N yêu cầu được ly hôn với Biện Thị Kiều T. Về con chung, vợ chồng có 01 con chung là Phạm Thanh T, sinh ngày: 07/11/2006, từ khi vợ chồng xa nhau anh

Phạm N nuôi con, anh yêu cầu tiếp tục nuôi Phạm Thanh T và không yêu cầu Biện Thị Kiều T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, Phạm N không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung Phạm N cho rằng không có không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Biện Thị Kiều T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Phạm N và Biện Thị Kiều T có đăng ký kết hôn ngày 21/8/2008 tại Ủy ban nhân dân xã T P, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp là theo quy định, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình sống chung có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng không cùng quan điểm sống, chị T thường hay bỏ nhà đi mà không nói với anh N là đi làm ở đâu vợ chồng đã ly thân từ tháng 4/2018 đến nay, mâu thuẫn đến mức không thể hàn gắn, không ai quan tâm đến ai, tình trạng hôn nhân của Phạm N và Biện Thị Kiều T như trên được chứng minh bằng hành động cụ thể là Biện Thị Kiều T không chấp hành các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án để được hòa giải đoàn tụ, bỏ mặt không ý kiến gì, đồng thời cố ý không chấp hành pháp luật. Mặc dù, Hội đồng xét xử đã động viên nhưng Phạm N vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với Biện Thị Kiều T, mâu thuẫn của Phạm N và Biện Thị Kiều T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được, cho nên việc Phạm N yêu cầu ly hôn là thỏa mãn theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Phạm N là có căn cứ.

[2] Về con chung: Phạm N và Biện Thị Kiều T có 01 con chung là Phạm Thanh T, sinh ngày: 07/11/2006, từ khi vợ chồng xa nhau anh Phạm N nuôi con, anh yêu cầu tiếp tục nuôi Phạm Thanh T, việc giao con cho ai nuôi là xem xét điều kiện để nuôi con, anh N đang trực tiếp nuôi dạy cháu tốt và có đủ khả năng nuôi con, nên cần chấp nhận yêu cầu của anh N là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về cấp dưỡng: Biện Thị Kiều T không trực tiếp nuôi con, đáng lý ra thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình, nhưng Phạm N không yêu cầu Biện Thị Kiều T cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt thành vấn đề xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản và nợ chung: Phạm N không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Tòa án đã triệu tập hợp lệ Biện Thị Kiều T để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia

phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử nên xét xử vắng mặt đối với Biện Thị Kiều T theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Về án phí: Nguyên đơn Phạm N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là có căn cứ, phù hợp với khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Phạm N được ly hôn với Biện Thị Kiều T.

2. Về con chung: Phạm N được quyền tiếp tục nuôi con là Phạm Thanh T, sinh ngày 07/11/2006, Biện Thị Kiều T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Phạm N cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở Biện Thị Kiều T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí và tạm ứng án phí: Phạm N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà Phạm N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số: 0002511, ngày 03/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (Phạm N đã nộp xong).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (01/3/2019). Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày, tính từ ngày bản án này được giao cho họ hoặc được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Văn Út

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND huyện LV;
- CCTHADS huyện LV;
- UBND xã T P;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.